

Số: /TTr-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự án Luật Bảo vệ công trình quan trọng
liên quan đến an ninh quốc gia**

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được xác định là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng tại các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị về bảo vệ an ninh quốc gia như Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia, Kết luận số 32-KL/TW ngày 05/7/2018 của Bộ Chính trị về tình hình an ninh, trật tự nổi lên gần đây và nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới, Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới.

Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030 tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định nhiệm vụ củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, trong đó, đặt ra yêu cầu “*bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh dữ liệu, an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực...*”.

Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đặt ra nhiệm vụ “*Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm của Đảng về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân*”; “*Tăng cường bảo vệ an ninh chế độ, an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin truyền thông, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh tại các địa bàn chiến lược, an ninh cơ sở*”.

Đồng thời, giao Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ Công an “hoàn thiện pháp luật về an ninh, trật tự”, “điều chỉnh phương án bảo vệ an ninh, trật tự phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và địa giới địa lý hành chính địa phương mới; tăng cường bảo vệ yếu nhân, cán bộ cấp chiến lược, tinh hoa trong giới khoa học, công nghệ”...

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra quan điểm chỉ đạo phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, **an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí**”.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định nhiệm vụ, giải pháp trong đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật là: “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, **gắn với phân cấp, phân quyền tối đa**...*”.

Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới nhấn mạnh “*Mục tiêu của việc hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật là tạo lập được cấu trúc hệ thống pháp luật hiện đại, hợp lý, khoa học, bao quát đầy đủ các lĩnh vực đời sống xã hội, làm tiền đề để xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, tinh gọn, thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế...*”.

Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI xác định một trong các định hướng lớn công tác lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI cần tập trung là “*Tăng cường quốc phòng, an ninh*”, đồng thời, yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị “*bảo vệ, bảo đảm hài hòa lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan trong các quan hệ pháp luật*”.

b) Cơ sở pháp lý

Hiện nay, công tác bảo vệ các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được thực hiện theo quy định tại Luật An ninh quốc gia, Luật Công an nhân dân, Luật An ninh mạng,... và trực tiếp là Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia năm 2007 và các văn bản quy định

chi tiết, hướng dẫn thi hành. Quá trình triển khai thực hiện Pháp lệnh, công tác bảo vệ các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, bước đầu tạo lập hành lang pháp lý cho việc xác định danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, phân công trách nhiệm giữa các lực lượng chức năng và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, góp phần tích cực vào nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, sau gần 20 năm triển khai thi hành, Pháp lệnh cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, một số nội dung chưa theo kịp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong thời kỳ mới. Một số quy định của Pháp lệnh còn mang tính khái quát, chưa cụ thể, thiếu tính khả thi như các tiêu chí xác định công trình quan trọng về an ninh quốc gia chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn bảo vệ an ninh chính trị, an ninh chính quyền các cấp, chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ và sự xuất hiện của các loại hình công trình mới, đặc biệt là các công trình hạ tầng số, hệ thống dữ liệu. Dẫn đến việc nhiều công trình có liên quan trực tiếp đến an ninh quốc gia nhưng chưa có hành lang pháp lý để bảo vệ toàn diện. Bên cạnh đó, quy định về chế độ bảo vệ, phân cấp quản lý, cũng như cơ chế phối hợp giữa các lực lượng như liên quan còn chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Thực tiễn công tác quản lý nhà nước cho thấy, việc thiếu một hệ thống văn bản pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Trong một số trường hợp, còn xảy ra tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị; hoặc bỏ sót trách nhiệm, dẫn đến nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, còn tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư, kinh doanh và niềm tin của xã hội.

Các biện pháp bảo vệ công trình quan trọng trên thực tế bao gồm: kiểm soát ra vào khu vực, hạn chế tiếp cận thông tin, hình ảnh, áp dụng các biện pháp bảo vệ đặc biệt (vũ trang, kiểm tra, giám sát...). Những biện pháp này có thể tác động hoặc hạn chế một số quyền cơ bản của công dân (tự do đi lại, tiếp cận thông tin, quyền tài sản...). Bên cạnh đó, Pháp lệnh hiện đang điều chỉnh lĩnh vực bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia – đây không còn là vấn đề kỹ thuật quản lý đơn thuần, mà đã trở thành một cấu phần của chính sách bảo đảm an ninh quốc gia. Theo điểm b và điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc hạn chế quyền con người, quyền công dân, các

chính sách cơ bản về quốc phòng, an ninh quốc gia và các biện pháp đặc biệt bảo đảm an ninh quốc gia phải do Quốc hội quy định bằng luật.

Bên cạnh đó, ngày 24/11/2023, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số 25/2023/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, thay thế Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự năm 1994, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Ngày 29/5/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 03/2026/UBTVQH16 về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó, quyết nghị bổ sung dự án Luật Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia vào Chương trình lập pháp năm 2026, trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 2.

Do vậy, việc xây dựng dự án Luật Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia để thay thế Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia là yêu cầu cấp thiết để thể chế hóa các chỉ đạo của Đảng, phát huy tổng hợp sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong tổ chức xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển vươn mình của dân tộc.

2. Cơ sở thực tiễn

So với thời điểm ban hành Pháp lệnh năm 2007, bối cảnh hiện nay đã thay đổi rất lớn: xuất hiện hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin trọng yếu; gia tăng nguy cơ tấn công mạng, khủng bố phi truyền thống; yêu cầu bảo vệ các công trình không chỉ về vật lý mà cả không gian mạng và dữ liệu. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống như tấn công mạng, chiến tranh mạng, phá hoại hệ thống thông tin, đánh cắp dữ liệu... ngày càng trở nên phổ biến và nguy hiểm. Đặc biệt, các hệ thống điều khiển công trình hạ tầng trọng yếu (như điện lực, giao thông cao tốc, hàng không...) nếu bị tấn công có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng mà không cần tác động vật lý trực tiếp.

Tình hình thế giới và khu vực hiện nay đang có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Các mối đe dọa an ninh truyền thống như khủng bố, phá hoại, gián điệp vẫn tồn tại và có xu hướng gia tăng về mức độ tinh vi. Điển hình như trong cuộc xung đột tại Ucraina, Iran thời gian vừa qua, hàng loạt công trình quan trọng

bị tấn công với mức độ chính xác cao bằng các loại vũ khí, phương tiện tầm xa.

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số quốc gia, nhiều công trình quan trọng không còn chỉ tồn tại dưới dạng vật chất truyền thống mà đã chuyển sang dạng số hóa, như trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia, hạ tầng viễn thông, nền tảng số... Những công trình này có đặc điểm là tính kết nối cao, phạm vi ảnh hưởng rộng và dễ bị tấn công từ xa. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn chưa có những quy định đầy đủ, cụ thể về bảo vệ các loại hình công trình này, dẫn đến khoảng trống pháp lý đáng kể. Việc ban hành luật sẽ tạo điều kiện mở rộng phạm vi điều chỉnh, thiết kế chính sách tổng thể, đồng bộ, dài hạn, nâng cao tính ổn định của khung pháp lý.

Thực tiễn qua gần 20 năm triển khai thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, Chính phủ đã quyết định đưa 14 cụm, tuyến công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Công tác bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được lãnh đạo Đảng, các cấp chính quyền, cơ quan liên quan quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ bảo vệ.

Tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá các công trình có liên quan đến an ninh quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý của các bộ, ngành để lập hồ sơ thẩm định còn gặp khó khăn, vướng mắc, bất cập, chưa có hành lang pháp lý đầy đủ; bên cạnh đó, quá trình tổ chức triển khai chưa quyết liệt, mặc dù đã được đôn đốc nhưng số lượng các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia mà các bộ, ngành, địa phương trình Chính phủ phê duyệt để đưa vào danh mục là quá ít và chưa phản ánh đúng yêu cầu bảo vệ các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trên thực tế trong tình hình hiện nay. Chế độ chính sách cho lực lượng bảo vệ các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia còn hạn chế ảnh hưởng đến công tác bảo vệ. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng một số công trình trọng điểm liên quan an ninh quốc gia còn gặp nhiều khó khăn. Tình hình vi phạm hành lang các công trình quan trọng vẫn diễn ra hết sức phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an ninh, an toàn.

Việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong thực hiện bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia chưa thực sự hiệu quả, trong đó có nguyên nhân xuất phát từ một số quy định của Pháp lệnh và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực khác. Chính phủ đã phải ban hành Nghị quyết để xử lý vướng mắc về quản lý, khai thác và bảo vệ một số công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ). Việc xử lý các hành vi phá hủy công trình quan trọng về an ninh

quốc gia còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc từ chính yêu cầu, thủ tục để xác định công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Đồng thời, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng... Do đó, hệ thống pháp luật trong nước cần được hoàn thiện theo hướng tiệm cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác quốc tế trong bảo vệ các công trình trọng yếu. Nếu không kịp thời được hoàn thiện, hệ thống pháp luật sẽ trở thành “điểm nghẽn” đối với quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng dự án Luật Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia là cần thiết, tạo cơ sở để nghiên cứu, xây dựng dự án Luật bảo đảm nhất quán.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

- Thề chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nói chung, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia nói riêng.

- Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia phù hợp với Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tương thích với các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Tuân thủ nguyên tắc Hiến định về việc hạn chế quyền con người, quyền công dân trong áp dụng các biện pháp bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia phải được quy định bằng luật.

- Kịp thời khắc phục, xử lý các hạn chế, vướng mắc, bất cập trong xác định danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, bắt kịp sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh chính quyền trong kỷ nguyên mới; phân công, phân cấp trách nhiệm giữa các lực lượng chức năng và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Việc xây dựng dự án Luật được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

- Ngày .../7/2026, Bộ Công an đã có Công văn số/BCA-V03 gửi xin ý kiến tham gia của các cơ quan, bộ, ngành, địa phương có liên quan; Công văn số/BCA-V03 lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Bộ Công an đã đăng tải hồ sơ dự án Luật trên cổng thông tin điện tử Bộ

Công an và Công Pháp luật quốc gia để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến; đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự án Luật.

- Ngày/7/2026, Bộ Công an đã có Công văn số/BCA-V03 gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ dự án Luật. Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định vào ngày /8/2026 và có Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP ngày/8/2026.

- Ngày .../8/2026, Bộ Công an đã có Công văn số/BCA-V03 gửi Bộ Tư pháp đề nghị rà soát nội dung tiếp thu, giải trình và hồ sơ dự án Luật sau thẩm định. Bộ Tư pháp đã có Công văn số/BTP-CPLSHC&QLXLVPHC ngày/8/2026.

- Trên cơ sở nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, ý kiến phản biện xã hội, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự án Luật quy định nguyên tắc bảo vệ, tiêu chí xác định, phân loại, lực lượng bảo vệ, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; chính sách, điều kiện bảo đảm trong hoạt động bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Dự án Luật không áp dụng đối với các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thuộc Quân đội nhân dân. Việc bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thuộc Quân đội nhân dân thực theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật gồm 40 điều, được chia thành 5 chương, cụ thể như sau:

a) Chương I. Những quy định chung: gồm 07 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Giải thích từ ngữ (Điều 2); Nguyên tắc bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 3); Chính sách của Nhà nước trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 4); Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 5); Phân loại công trình an ninh và khu an ninh (Điều 6); Phân loại công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 7).

b) Chương II. Quản lý công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia: gồm 14 điều, chia thành 03 mục:

- Mục 1. Quản lý công trình trọng điểm về an ninh quốc gia: gồm 02 điều, quy định về: Xác định công trình trọng điểm về an ninh quốc gia (Điều 8); Hồ sơ đề nghị giao trách nhiệm quản lý công trình trọng điểm về an ninh quốc gia (Điều 9).

- Mục 2. Quản lý công trình an ninh, khu an ninh: gồm 07 điều, quy định về: Nội dung quản lý công trình an ninh và khu an ninh (Điều 10); Lập hồ sơ quản lý công trình an ninh và khu an ninh (Điều 11); Bảo quản, bảo trì công trình an ninh (Điều 12); Chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh và khu an ninh (Điều 13); Phá dỡ công trình an ninh, di dời khu an ninh (Điều 14); Thống kê, kiểm kê công trình an ninh, khu an ninh (Điều 15); Trách nhiệm quản lý công trình an ninh, khu an ninh (Điều 16).

- Mục 3. Quản lý công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia: gồm 05 điều, quy định về: Thẩm quyền quyết định đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 17); Trình tự, thủ tục đưa công trình vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 18); Hồ sơ đề nghị đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 19); Thẩm định hồ sơ đề nghị đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 20); Đưa ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 21).

c) Chương III. Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia: gồm 08 điều, chia thành 03 mục:

- Mục 1. Bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia: gồm 02 điều, quy định về: Xác định phạm vi bảo vệ của công trình trọng điểm về an ninh quốc gia (Điều 22); Biện pháp bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia (Điều 23).

- Mục 2. Bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh: gồm 03 điều, quy định về: Nội dung bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh (Điều 24); Xác định phạm vi bảo vệ của công trình an ninh, khu an ninh (Điều 25); Chế độ bảo vệ đối với khu vực cấm, khu vực bảo vệ, hành lang bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh (Điều 26).

- Mục 3. Bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia: gồm 03 điều, quy định về: Xác định phạm vi bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 27); Biện pháp áp dụng đối với khu vực bảo vệ (Điều 28); Biện pháp áp dụng đối với hành lang bảo vệ (Điều 29).

d) Chương IV. Lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia: gồm 04 điều, quy định về: Lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 30); Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng bảo vệ của Bộ Công an trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 31); Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức quản lý công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 32); Chế độ, chính sách đối với lực lượng bảo vệ và đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 33); Quan hệ phối hợp giữa các lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

đ) Chương V. Quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia: gồm 06 điều, quy định về: Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 35); Hợp tác quốc tế trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 36); Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 37); Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 38); Hiệu lực thi hành (Điều 39); Điều khoản chuyển tiếp (Điều 40).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

a) Chương I. Những quy định chung:

- Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1), dự thảo Luật quy định quy định cụ thể việc áp dụng quy định của các luật khác trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thuộc Quân đội nhân dân, bảo vệ công trình thuộc lĩnh vực năng lượng, giao thông, thông tin, truyền thông, tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực khác có liên quan.

- Về giải thích từ ngữ (Điều 2), dự thảo Luật giải thích các cụm từ *Công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia*, *Công trình trọng điểm về an ninh quốc gia*, *Công trình an ninh*, *Khu an ninh*, *Công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia* và các khu vực bảo vệ, làm căn cứ quy định các nội dung cụ thể của dự thảo Luật.

- Về nguyên tắc bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 3), dự thảo Luật kế thừa các nguyên tắc của Pháp lệnh năm 2007, tuy nhiên, chỉnh lý, hoàn thiện các nguyên tắc này, đồng thời, bổ sung một số nguyên tắc mới để phù hợp với các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước đối với công tác bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

- Bổ sung quy định về chính sách của Nhà nước trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 4), làm cơ sở để xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Bổ sung, hoàn thiện quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 5) so với Pháp lệnh năm 2007.

- Bổ sung quy định cụ thể về việc phân loại công trình an ninh và khu an ninh (Điều 6), công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 7). Đây là các quy định mới, được xây dựng để quy phạm hóa chính sách được xác định trong xây dựng dự án Luật, bảo đảm khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thi hành Pháp lệnh năm 2007.

b) Chương II. Quản lý công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia:

- Về thẩm quyền quyết định đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, dự thảo Luật quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh.

Đối với công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định đưa vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đối với công trình loại I. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đưa vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đối với công trình loại II. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đối với công trình loại III. Đây là các quy định thay đổi toàn diện so với quy định của Pháp lệnh năm 2007, trong đó, phân cấp, phân quyền thẩm quyền của Chính phủ quyết định danh mục công trình cho Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện việc đưa công trình vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và giao Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết các nội dung này để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc tại Nghị quyết số 66-NQ/TW (luật chỉ điều chỉnh những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn).

- Bổ sung quy định về việc đưa ra khỏi danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong một số trường hợp cụ thể và thẩm quyền, trình tự thủ tục thực hiện (Điều 21).

c) Chương III. Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

- Quy định về việc xác định phạm vi bảo vệ của các loại công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Trong đó, đối với công trình trọng điểm về an ninh quốc gia và công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia, việc xác định phạm vi bảo vệ được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Đồng thời, quy định cụ thể việc xác định phạm vi bảo vệ đối với công trình an ninh, khu an ninh và giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết nội dung này.

- Về các biện pháp bảo vệ cũng được xây dựng theo hướng dẫn chiếu đến quy định của các luật chuyên ngành về biện pháp bảo vệ đối với công trình trọng điểm về an ninh quốc gia và công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia, đồng thời, quy định bổ sung một số biện pháp bảo vệ tại hành lang bảo vệ công trình để bảo đảm các yêu cầu tối đa hóa mức độ bảo vệ. Đối với công trình an ninh và khu an ninh, dự thảo Luật tập trung quy định các biện pháp bảo vệ có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân, các biện pháp ứng dụng khoa học, công nghệ trong bảo vệ công trình.

d) Chương IV. Lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

- Lực lượng bảo vệ của Bộ Công an do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập, có trách nhiệm bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia, công trình an ninh, khu an ninh, công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia do Bộ Công an trực tiếp quản lý và các công trình thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia khác khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Lực lượng bảo vệ của Bộ Công an gồm lực lượng bảo vệ trực tiếp tại công trình và lực lượng bảo vệ gián tiếp thông qua các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

- Lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức quản lý công trình, do người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định thành lập theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Quy định về quan hệ phối hợp giữa các lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong quá trình quy hoạch, thiết kế, xây dựng, cải tạo nâng cấp và trong quá trình vận hành khai thác.

- Quy định mang tính nguyên tắc về chế độ khen thưởng, ưu đãi, hỗ trợ đối với lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; chế độ, chính sách bổ sung đối với lực lượng bảo vệ trực tiếp tại công trình và lực lượng bảo vệ gián tiếp thông qua các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

đ) Chương V. Quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

- Quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia như cư trú, sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xây dựng và các hoạt động khác; được bồi thường khi bị thiệt hại; tham gia thực hiện bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền...

- Quy định về hợp tác quốc tế trong bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia, đặc biệt là đối với các công trình kết nối với nước ngoài như các tuyến cáp quang biển, đường dây truyền tải điện, hệ thống viễn thông...

- Quy định về nội dung quản lý nhà nước, trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia: các nội dung này cơ bản kế thừa quy định của Pháp lệnh năm 2007. Đồng thời, bỏ quy định về trách nhiệm cụ thể của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

- Quy định về hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp để xử lý các trường hợp công trình đã được đưa vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của Pháp lệnh năm 2007.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm

- Việc thi hành Luật không làm phát sinh nhân lực hoặc tổ chức bộ máy mới. Các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền được giao. Các lực lượng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả từ các lực lượng hiện có, đang thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình trọng yếu liên quan đến an ninh quốc gia, công trình an ninh, khu an ninh và công trình quan trọng khác dự kiến đưa vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

- Việc thi hành Luật làm phát sinh nhu cầu về kinh phí triển khai xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, tuyên truyền, phổ biến Luật sau khi được Quốc hội thông qua; phát sinh chi phí thực hiện các biện pháp, công tác bảo vệ bổ sung được quy định tại Luật và chế độ, chính sách hỗ trợ thêm đối với lực lượng bảo vệ công trình.

Nguồn kinh phí bảo đảm chi phí nêu trên sẽ được cân đối từ ngân sách Nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác; ngân sách nhà nước bảo đảm trên thực tế là không lớn, khả thi và được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thời gian dự kiến trình quốc hội dự án Luật

Căn cứ Nghị quyết số 03/2026/UBTVQH16 ngày 29/5/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đề xuất trình Quốc hội khóa XVI cho ý kiến và thông qua dự án Luật tại Kỳ họp thứ 2 (dự kiến khai mạc vào tháng 10/2026) để giải quyết ngay vấn đề cấp bách là tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, kịp thời để bảo vệ các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đã và đang được triển khai xây dựng nhưng chưa có hoặc thiếu căn cứ pháp lý để áp dụng các biện pháp bảo vệ, đặc biệt là các công trình chứa an ninh quốc gia, an ninh chính quyền, hạ tầng số, hệ thống dữ liệu.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Xin kính trình kèm theo: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật; (4) Bản đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (6) Bản so sánh dự thảo Luật với Pháp lệnh năm 2007)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Các Bộ: Công an, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các Vụ NC, PL;
- Lưu: VT, NC (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Đại tướng Lương Tam Quang